TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 12 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Lê Thị Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Toà án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Quang P**, sinh năm: 1985.
CCCD số: .
Địa chỉ: 80 đường số 3 cư xá Lữ Gia, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm: 1989.
CCCD số: ..
Địa chỉ: ấp Phú Thịnh 1, xã T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/10/2025 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn ông Phạm Quang P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh P đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P đi làm xa, còn vợ con thì ở Đồng Nai sinh sống, ông P ít có thời gian bên cạnh gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Dù đã tìm nhiều cách để hàn gắn nhưng không được.

Nay tình cảm không còn, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông P và bà H có 02 con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 21/12/2013 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2024. Hiện cả hai con chung đang ở với bà H nên ông P đồng ý giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 đồng/con chung, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Về tài sản chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông P và bà H không nợ của cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai, lời trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của ông P về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Tuy nhiên vì lý do công việc, đi lại khó khăn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông P và bà H có 02 con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 21/12/2013 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2024. Hiện cả hai con chung đang ở với bà H. Ông P tự nguyện giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 đồng/con chung, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng/02 con chung thì bà H đồng ý.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông P không có nợ chung của cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho ông Phạm Quang P ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H; về con chung: Giao Phạm Quang Đức, sinh ngày 21/12/2013 và Nguyễn Tuấn Khang, sinh ngày 19/01/2024 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 đồng/con chung, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng/02 con chung. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành ; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Quang P có đơn khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con với bà Nguyễn Thị Mỹ H cư trú tại ấp Phú Thịnh 1, xã T, tỉnh Đồng Nai và bà H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định tư cách đương sự: Ông P khởi kiện đối với bà H. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định ông P là nguyên đơn, bà H là bị đơn trong vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được và trình bày của các đương sự trong bản tự khai thể hiện ông Phạm Quang P và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 401 ngày 05/11/2012. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Qua sự thừa nhận của các đương sự thể hiện ông P và bà H chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân không hòa hợp. Hiện tại ông P, bà H không còn chung sống với nhau.

Vì vậy, có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông P, bà H đã có những mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 18, Điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên yêu cầu ly hôn của ông P là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông P và bà H có 02 con chung là Phạm Quang Đ, sinh ngày 21/12/2013 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2024. Khi ly hôn, ông P đồng ý giao cả hai con chung cho bà H nuôi dưỡng. Hiện cả hai con chung đang ở với bà H. Cháu Phạm Quang Đức có nguyện vọng sống với cha tuy nhiên để đảm bảo cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định về tinh thần, tâm lý cho trẻ nên giao các con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 đồng/con chung, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động thì bà H đồng ý và

không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông P. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Ông P và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông P và bà H khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giai quyết.

[3] Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 68,147, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 18, 19, 34, 36, 50, 53, 54, 85, 89, 91, 92, 93, 94, 95 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang P về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con".

1.1. Về hôn nhân: Ông Phạm Quang P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 21/12/2013 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 19/01/2024 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

Ông Phạm Quang P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 đồng/con chung, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Ông Phạm Quang P có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì quyền lợi của con chung ông Phạm Quang P và bà Nguyễn Thị Mỹ H có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi

suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Quang P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số 0005596 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông P phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND khu vực 8 – Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND P.Bình Hưng Hòa A, Q.Bình Tân, TP HCM
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuân